TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 95/2024/DS-PT Ngày 03/5/2024 V/v V/v "Tranh chấp chia di sản thừa kế"	

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Bé.
Các Thẩm phán: Nguyễn Hữu Thị Hảo Hảo.
Vũ Việt Dũng.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Huỳnh Trung Tiến - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng:*** Ông Lê Anh Pha - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 03 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 235/2023/TLPT-DS ngày 29 tháng 12 năm 2023 về *"Tranh chấp chai di sản thừa kế"*.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 82/2023/DSST ngày 07 tháng 11 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 27/2024/QĐ-PT ngày 30 tháng 01 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số: 71/2024/QĐ-PT ngày 27 tháng 02 năm 2024 và Thông báo thay đổi thời gian mở lại phiên tòa số: 70/2024/TB-TA ngày 29 tháng 3 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số : 141/2024/QĐ-PT ngày 05 tháng 4 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Lê Hồng A, sinh năm 1957; Trú tại: Tổ 6, thôn L, xã H, huyện H, thành phố Đ. Có mặt.

- *Bị đơn:*

+ Bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1959. Có mặt.

+ Bà Lê Thị Như A1, sinh năm 1977. Có mặt.

+ Ông Lê Ngọc T, sinh năm 1980. Có mặt.

Cùng trú tại: Tổ 5, thôn L, xã H, huyện H, thành phố Đ. Có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

+ Bà Lê Thị B, sinh năm 1953. Trú tại: Tổ 1 thôn N, xã H, huyện H, thành phố Đ. Có mặt.

Đại diện theo ủy quyền của bà Lê Thị B: Ông Lê Hồng A, sinh năm 1957; Trú tại: Tổ 6, thôn L, xã H, huyện H, thành phố Đ. (Theo văn bản ủy quyền ngày 02/4/2024, có mặt).

+ Bà Lê Thị X, sinh năm 1956. Trú tại: Tổ 3, thôn L, xã H, huyện H, thành phố Đ. Có mặt.

+ Bà Lê Thị T, sinh năm 1966. Trú tại: Tổ 6, thôn L, xã H, huyện H, thành phố Đ. Có mặt.

+ Bà Lê Thị L, sinh năm 1969. Trú tại: Tổ 3, thôn B, xã Đ, thị xã Đ, tỉnh Q. Có mặt.

+ Ông Lê Văn T2, sinh năm 1969. Trú tại: Tổ 5, thôn L, xã H, huyện H, thành phố Đ. Vắng mặt.

+ Ông Lê Văn C, sinh năm 1970. Trú tại: Tổ 3, Lê Văn Côi. Có mặt.

+ Ông Lê Văn N. Trú tại: Tổ 3, thôn L, xã H, huyện H, thành phố Đ. Vắng mặt.

+ Ông Lê Ngọc T3. Trú tại: Tổ 5, thôn L, xã H, huyện H, thành phố Đ. Vắng mặt**.**

+ Bà Lê Thị Hồng H. Trú tại: Tổ 5, thôn L, xã H, huyện H, thành phố Đ. Có mặt**.**

+ Bà Lê Thị Hồng T. Cùng trú tại: Tổ 5, thôn L, xã H, huyện H, thành phố Đ. Vắng mặt.

+ Văn phòng Đăng ký đất đai thành phố Đ. Địa chỉ: Số 57, đường Quang Trung, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

Đại diện theo ủy quyền của Văn phòng Đăng ký đất đai thành phố Đ: Ông Võ Huy T – Giám đốc Chi nhánh đất đai huyện H, vắng mặt.

+ Ông Tạ Văn H, sinh năm: 1970. Trú tại: Tổ 5, thôn L, xã H, huyện H, thành phố Đ. Vắng mặt.

+ Bà Trần Thị Thu T, sinh năm: 1985. Trú tại: Tổ 5, thôn L, xã H, huyện H, thành phố Đ. Vắng mặt.

- *Người kháng cáo:* Bà Nguyễn Thị C là bị đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN

- *Nguyên đơn là ông Lê Hồng A trình bày:* Cha mẹ ông là ông Lê Tỵ (chết năm 1998) và bà Trần Thị Kiệm (chết năm 2007). Có 10 người con gồm: Lê Văn Tỵ (chết năm 1970); Lê Thị Con (chết khi còn nhỏ, không có chồng con); Lê Ngọc Thành (là liệt sỹ hy sinh năm 1966, không có vợ con); Lê Văn Ròm (chết khi còn nhỏ, không có vợ con); Lê Hường (chết năm 2009); Lê Thị B; Lê Thị X; Lê Thị T; Lê Thị L; Lê Hồng A. Ngoài ra, cha ông Lê Tỵ có 01 con riêng là Lê Văn T2 và có con tên là Dũng, con riêng hay con chung của ông Tỵ, bà Kiệm thì ông Akhông biết mà chỉ biết khi mới sinh ra cho bà dì không con và lấy họ khác là ông Nguyễn Hữu Dũng, ông Akhông biết hiện ông Dũng ở đâu. Ngoài ra, cha mẹ ông không có con nuôi nào khác. Khi chết cha mẹ ông Akhông để lại di chúc. Ông Lê Văn Tỵ (đã chết) có vợ là bà Đặng Thị Nhân (đã chết năm 2022) và con là Lê Văn C, Lê Văn N. Ông Lê Hường (đã chết) có vợ là bà Nguyễn Thị C và 05 con: Lê Thị Như A1, Lê Ngọc T, Lê Ngọc T3, Lê Thị Hồng H và Lê Thị

Hồng T. Khi còn sống cha mẹ ông Acó tạo được một khối tài chung là nhà và đất tại thửa đất số 51 tờ bản đồ số 19, diện tích 2.005m^2; thửa đất số 1.166 tờ bản đồ số 14, diện tích 253m^2 đất 2 lúa và thửa đất số 1.168, tờ bản đồ số 14, diện tích 520m^2 đất 2 lúa; địa chỉ: Tổ 5 thôn Lệ Sơn Nam, xã Hòa Tiến, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng được UBND huyện Hòa Vang cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ số: 01748 QSDĐ ngày 10.12.1994 đứng tên hộ Lê Tỵ. Trên mảnh đất thổ cư tại thửa đất số 51, tờ bản đồ số 19, diện tích 2.005m^2. Khoảng năm 1970, 1971, cha mẹ ông xây dựng và ở nhà ba gian, nhà dưới và nhà trên. Trước đây, gia đình ông Hường, bà C đã có nhà riêng nhưng bán nhà, đi Đăk Lắc ở, rồi về và xuống chợ Lệ Trạch cũ ở. Tháng 09/1998, cha ông chết, ông A đã bảo gia đình ông Hường về ở với mẹ ông nhưng ở được 3 tháng thì lại chuyển đến nhà ông Yến nhưng sau đó về ở luôn với mẹ ông tại thửa đất số 51. Gia đình ông Hường, bà C vẫn ở như vậy, không có sửa sang gì thêm. Sau này, bà C có sửa lại nhà dưới trên nền nhà cũ; đối với nhà ba gian bà C chỉ lót lại gạch, làm tôn mái hiên; còn ông lợp tôn thay ngói. Hiện nay, bà C và 02 cháu Lê Thị Như A1 và Lê Ngọc T vẫn tiếp tục quản lý, sử dụng nhà và thửa đất số 51 tờ bản đồ số 19. Cháu A1 và T xây dựng nhà trên thửa đất nói trên mà không được sự đồng ý của các anh chị em ông. Theo ông A, Bản di chúc ngày 16/11/1998 có xác nhận của Trưởng thôn Lệ Sơn 1 (nay là Lệ Sơn Bắc) là ông Đặng Nghệ ngày 15/12/2003 là chữ viết của ông A. Ông nhớ khi ông bảo gia đình ông Hường về ở và nhân ngày giỗ nên ông viết làm chứng để gia đình anh Hường về ở, chứ không họp gia đình, tất cả các anh chị em không có ai cùng ký tên, ông không giữ bản nào, bà C giữ. Khi lên Tòa hòa giải ông mới được Tòa cung cấp. Ông thừa nhận toàn bộ ngôi nhà vườn tược ghi trong bản di chúc này là đất thổ cư tại thửa đất số 51, tờ bản đồ số 19 nêu trên vì ngoài thửa đất thổ cư này cha mẹ ông không còn thửa đất nào khác. Tuy nhiên, năm 2010, 2011, 2012, 2013, tất cả anh chị em đều thống nhất thỏa thuận thừa kế, đại diện UBND xã Hòa Tiến đã hướng dẫn làm thủ tục thừa kế, bà C và các con bà C đã ký nhưng sau đó bà C và các con bà C không đồng ý thỏa thuận thừa kế, có lần còn xé giấy tờ đã ký. Khi làm thủ tục thừa kế này bà C không đưa ra Bản di chúc ngày 16/11/1998 cho các đồng thừa kế biết. Như vậy, Bản di chúc này không hợp lệ.

Nay, ông và các anh chị em trong gia đình yêu cầu chia thừa kế di sản của cha mẹ ông để lại. Ông và các đồng thừa kế yêu cầu được lấy lại nhà ba gian (nhà thờ), chỉ đồng ý cho bà C nhận nhà dưới do bà xây dựng mà hiện nay bà C đang sinh sống, ông và các đồng thừa kế sẽ xây tường 20 phân cho nhà dưới, vì nhà dưới không có tường mà dựa vào tường ba gian (nhà thờ). Bà C nhận nhà dưới trên 01 lô đất tính từ mép trong của đường tự mở hiện nay đang sử dụng kéo dài hết đất, chiều ngang bằng chiều ngang nhà dưới khoảng 6m, dài 27m. Trường hợp, bà C đồng ý 01 lô đất hai mặt tiền ở phía ngoài thửa đất, bên cạnh nhà cháu A1 thì ông và các đồng thừa kế sẽ hỗ trợ cho bà C tiền xây dựng y nhà dưới bà C đã sửa sang lại để ở hoặc có thể số tiền nhất định là khoảng 200 triệu đồng. Đối với cháu T, cháu A1 thì ông và các đồng thừa kế đồng ý cho T, A1 01 lô đất trên đó có nhà của T, A1 cũng tính từ mép trong của đường tự mở hiện

nay đang sử dụng kéo dài hết đất, chiều ngang bằng chiều ngang ngôi nhà khoảng 6m, dài 27m. Vì vậy, ông yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật đối với di sản thừa kế của ông Lê Tỵ và bà Trần Thị Kiệm là nhà và đất tại thửa đất 51, tờ bản đồ số 19, có diện tích 2.005m^2, địa chỉ: Thôn Lệ Sơn Nam, xã Hòa Tiến, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng được UBND huyện Hòa Vang cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ 01748 QSDĐ ngày 10/12/1994 cho hộ Lê Tỵ. Đối với vật kiến trúc trên đất, cây cối ông A không yêu cầu giải quyết, nhưng khi chia ưu tiên cho ông được nhận phần đất có nhà thờ mà bà C hiện đang quản lý.

- *Bị đơn bà Nguyễn Thị C trình bày:* Bà thống nhất với ông Lê Hồng A về thời gian chết và xác nhận hàng thừa kế như ông Atrình bày. Theo bà, ba mẹ chồng bà có con là ông Lê Văn Dũng nhưng cho bà dì không con, hiện ông Dũng ở xã Hòa Khương, huyện Hòa Vang và ba chồng bà có 01 con riêng là Lê Văn T2. Ngoài ra, cha mẹ chồng bà không có con nuôi, con riêng nào khác. Tuy nhiên, nếu cha mẹ chồng bà có con chết khi còn nhỏ thì bà không biết, những người nào còn sống thì bà đã khai hết. Năm 1976, bà lấy ông Lê Hường về làm dâu tại thôn Lệ Sơn Nam, xã Hòa Tiến nhưng vợ chồng bà không ở cùng ba mẹ chồng mà ở cùng anh chị em bà tại thôn Lệ Sơn Bắc, xã Hòa Tiến. Đến năm 1998, em chồng bà là ông Lê Hồng A có đến nhà khuyên nhủ vợ chồng bà về nhà ba mẹ chồng để ở chăm lo cho mẹ chồng và hương khói cho ông, bà. Lúc đó có đầy đủ anh chị em ở nhà nên vợ chồng ông bà đã về ở cùng mẹ chồng. Trong thời gian ở đây, vợ chồng bà đã lo hương khói thờ tự đầy đủ, chu đáo. Ngày 16/11/1998, mẹ chồng bà đã lập bản di chúc cho vợ chồng bà thừa kế toàn bộ quyền sử dụng mảnh đất, nhà cửa của cha mẹ chồng khi mẹ qua đời, nếu mẹ chồng bà chưa qua đời thì mẹ có quyền sử dụng những gì của mẹ. Ngày 16/11/1998, do ý nguyện của mẹ chồng bà lập di chúc và cho vợ chồng bà ở có con, cháu. Toàn thể các anh chị em đã thống nhất và ký tên gồm ông Lê Hồng A (người viết, có ký xác nhận), ông Phạm Lục (chồng bà Xí), bà Đặng Thị Nhân (chị hai dâu, vợ ông Tỵ con), Xê (bà Bê), ông Lê Văn Dũng (là con của ba mẹ chồng bà, cho bà dì không con; từ đó không liên lạc với gia đình bà và không về thờ cúng, giỗ chạp); có 02 người làm chứng là chú Bốn (Lê Văn Hoan, đã chết), chú Bảy (đã già, ở tại thôn Lệ Sơn Nam, xã Hòa Tiến). Lúc đó mẹ bà minh mẫn và làm chủ được hành vi của mình, chú A viết nhưng mẹ chồng bà không ký. Sau đó, mẹ chồng bà tự qua Trưởng thôn Lệ Sơn 1 (nay là Lệ Sơn Bắc) là ông Đặng Nghệ để liên hệ ký xác nhận di chúc ngày 15/12/2003 và đưa vợ chồng bà giữ.

Nội dung di chúc như sau: "Bản di chúc của mẹ và tất cả anh em trai gái trong gia đình đều đồng ý và giao toàn bộ nhà cửa cha mẹ cho anh Tám, chị Sáu tức Lê Hường và Nguyễn Thị C toàn bộ ngôi nhà vườn tược''. Nhưng sau này khi mẹ qua đời thì anh Lê Hường và Nguyễn Thị C có quyền toàn bộ sử dụng còn mẹ chưa qua đời thì mẹ có quyền sử dụng những gì của mẹ. Toàn thể anh em đều nhất trí cùng ký tên.

Khi vợ chồng bà về sinh sống cùng mẹ chồng thì đã có 01 ngôi nhà xây 3 gian, lợp ngói khoảng 200m^2 và nhà dưới bằng phên. Đối với: 01 ngôi nhà xây 3 gian, lợp ngói đến năm 2018 lợp lại hiên nhà 3 gian bằng tôn, sang năm 2019, sửa sang nhà xây 3

gian, cụ thể lát nền bằng gạch men, quét vôi ve; còn thay mái tôn bằng nhà ngói ba gian là tiền phúng điếu đám tang mẹ chồng bà còn thừa; và nhà dưới bằng phên, vách nên bà làm lại nhà dưới để ở khoảng 200m^2. Trên diện tích nhà, đất bà đang ở có con là Lê Thị Hồng H, Lê Thị Hồng T sinh sống cùng. Từ lúc vợ chồng bà về ở không có vấn đề tranh chấp xảy ra. Đến năm 2009, chồng bà chết, bà vẫn lo hương khói và đám giỗ cho ba mẹ chồng bà đến bây giờ. Vì vậy, khi nhận được yêu cầu khởi kiện của ông A thì bà bất ngờ, đi ngược lại lại di nguyện của mẹ chồng bà để lại cũng như tất cả anh chị em đồng ý trước đó. Nay bà có nguyện vọng và đề nghị được nhận nhà xây 3 gian, vì truyền thống của người Việt là thờ cúng ông, bà tổ tiên, chồng bà; bà đã về ở với mẹ chồng bà từ năm 1998 và nhận nhà dưới do bà xây dựng mà hiện nay bà đang sinh sống.

Ngày 17/08/2022, Tòa án đã thụ lý yêu cầu phản tố của bị đơn bà Nguyễn Thị C yêu cầu Tòa án: Công nhận Di chúc của mẹ (bà Trần Thị Kiệm) ngày 16/11/1998 và yêu cầu được thừa kế mảnh đất thửa số 51, địa chỉ: Thôn Lệ Sơn Nam, xã Hòa Tiến, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng được Ủy ban nhân dân huyện Hòa Vang, TP Đà Nẵng cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ 01748 QSDĐ ngày 10/12/1994 cho ông Lê Tỵ có giá trị theo định giá: 9.369.062.326 đồng (đã trừ đi tài sản trên đất do Lê Thị Như A1, Lê Ngọc T xây dựng).

- *Bị đơn là ông Lê Ngọc T trình bày:* Vào năm 2008, ông có xin phép và được sự đồng ý của ba mẹ và chú Lê Hồng A cùng tất cả các cô 01 lô đất để làm nhà. Ông và vợ là Trần Thị Thu T làm nhà ở cấp 3, với diện tích khoảng 150m^2. Từ đó đến nay vợ chồng ông sinh sống bình thường, không có vấn đề tranh chấp xảy ra. Trên diện tích nhà đất này, có vợ chồng ông và 02 con là Lê Ngọc Tường Vy, Lê Ngọc Bảo sinh sống bình thường, không có vấn đề tranh chấp xảy ra. Vì vậy, khi nhận được yêu cầu khởi kiện của chú Anh thì ông bất ngờ. Theo yêu cầu khởi kiện của chú Anh là trích trả phần xây dựng của ông lại như vậy thì ông biết đi đâu để làm lại nhà bây giờ. Việc ba mẹ ông cùng tất cả các cô chú cho vợ chồng ông 01 lô đất để làm nhà và trong đó có chú Lê Hồng A đã đồng ý và ông đã làm nhà ở nhưng không có giấy tờ gì của ba mẹ ông, tất cả các cô, chú nên đề nghị xem xét và giải quyết cho ông.

- *Bị đơn là bà Lê Thị Như A1 trình bày:* Vào năm 2000, bà có xin phép và được sự đồng ý của bà nội là Trần Thị Kiệm và ba mẹ bà cùng tất cả các cô 01 lô đất để làm nhà và trong đó có chú Lê Hồng A đã đồng ý. Năm 2000, bà và ông Tạ Văn H làm nhà ở cấp 3 với diện tích khoảng 150m^2. Từ đó, đến nay vợ chồng bà sinh sống bình thường, không có vấn đề tranh chấp xảy ra. Trên diện tích nhà đất này vợ chồng bà và 03 con là Tạ Văn Việt, Tạ Anh Vũ, Tạ Thị Khánh Hiền sinh sống. Vì vậy, khi nhận được yêu cầu khởi kiện của chú Anh thì bà bất ngờ. Theo yêu cầu khởi kiện của chú Anh là trích trả phần xây dựng của bà lại như vậy thì bà biết đi đâu để làm lại nhà bây giờ. Việc bà nội bà, ba mẹ bà cùng tất cả các cô 01 lô đất để làm nhà và trong đó có chú Lê Hồng A đã đồng ý và bà đã làm nhà ở nhưng không có giấy tờ gì của ba mẹ bà, tất cả các cô, chú nên đề nghị Tòa án xem xét và giải quyết cho bà.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Lê Thị B, bà Lê Thị T, bà Lê Thị L trình bày:* Các bà đều thống nhất như trình bày của ông Lê Hồng A. Nay, ông A khởi kiện chia thừa kế các bà đồng ý nhận bằng tiền, tương đương với một kỷ phần được chia và thống nhất để ông A nhận bằng hiện vật là phần di sản thừa kế nhà, đất của cha mẹ các bà.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Văn C trình bày*: Ông là con của ông Lê Văn Tỵ (con) và bà Đặng Thị Nhân. Cha mẹ ông có 02 người con là ông Lê Văn N, hiện đang sinh sống ở xa. Năm 1970, cha ông chết. Nay, bác A khởi kiện chia thừa kế thì ông đồng ý nhận bằng tiền, tương đương với một kỷ phần được chia và thống nhất để bác A nhận bằng hiện vật là phần di sản thừa kế nhà, đất của ông bà nội ông.

Với nội dung nói trên, Bản án dân sự sơ thẩm số: 82/2023/DSST ngày 07 tháng 11 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng đã xử và quyết định: Áp dụng khoản 5 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39, 147 Bộ luật tố tụng dân sự. Áp dụng Điều 611, 612, 613, 614, 616, 617, 618, 623, 632, 633, 649, 650, 651, 652, 660 Bộ luật dân sự. Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Hồng A về yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật di sản của cụ Lê Tỵ và bà Trần Thị Kiệm để lại là thửa đất số 51, tờ bản đồ số 19, địa chỉ thửa đất: Tổ 5 thôn Lệ Sơn Nam, xã Hòa Tiến, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng được UBND huyện Hòa Vang cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ 01748 QSDĐ ngày 10/12/1994 đứng tên hộ Lê Tỵ

2. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu phản tố của bị đơn bà Nguyễn Thị C về yêu cầu công nhận Di chúc của bà Trần Thị Kiệm ngày 16/11/1998 và được thừa kế mảnh đất thửa số 51, địa chỉ: Thôn Lệ Sơn Nam, xã Hòa Tiến, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng được Ủy ban nhân dân huyện Hòa Vang, TP Đà Nẵng cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất 01748 QSDĐ ngày 10/12/1994 cho ông Lê Tỵ.

3. Chia di sản thừa kế như sau:

3.1. Chia bà Nguyễn Thị C được quyền sử dụng phần diện tích: 592.6m^2 (ký hiệu A). Trong đó: 360m^2 đất ở và 232.6m^2 đất trồng cây hàng năm khác. Trên diện tích đất có 02 ngôi nhà cấp 03 lần lượt có diện tích: 48,9m^2 và 57,1m^2 (Có sơ đồ kèm theo), cụ thể: Hướng đông: Giáp đất hộ ông Lê Văn Minh, hướng tây: Giáp đường đất, hướng nam: Giáp đất được chia cho ông Lê Hồng A, hướng bắc: Giáp đất hộ ông Lê Văn Minh, hộ ông Lê Lý.

3.2. Chia ông Lê Hồng A được quyền sử dụng phần diện tích 676,0m^2 (ký hiệu B). Trong đó có 400m^2 đất ở và 276,6m^2 đất trồng cây hàng năm khác. (Có sơ đồ kèm theo), cụ thể: Hướng đông: Giáp đất hộ ông Đặng Văn Hoanh, bà Lê Thị Kim Liên; hướng tây: Giáp đường đất; hướng nam: Giáp đất công nhận cho bà Lê Thị Như A1 và ông Tạ Văn H; hướng bắc: Giáp đất chia cho bà Nguyễn Thị C.

3.3. Công nhận cho bà Lê Thị Như A1 và ông Tạ Văn H được quyền sử dụng phần diện tích: 206,1m^2 (ký hiệu C). Trong đó, có 120m^2 đất ở và 86,1m^2 đất trồng cây hàng năm khác. Trên phần diện tích có một ngôi nhà cấp 3 có diện tích xây dựng: 81,5m^2 (Có sơ đồ kèm theo), cụ thể: Hướng đông: Giáp đất hộ ông Đặng Văn Hoanh, bà Lê Thị Kim Liên; hướng tây: Giáp đường đất; hướng nam: Giáp đất được công nhận cho ông Lê Ngọc T và bà Trần Thị Thu T; hướng bắc: Giáp đất chia cho ông Lê Hồng A.

3.4. Công nhận cho ông Lê Ngọc T và bà Trần Thị Thu T được quyền sử dụng phần diện tích: 204,7m^2 (ký hiệu D). Trong đó, có 120m^2 đất ở và 84,7m^2 đất trồng cây hàng năm khác. Trên phần diện tích có một ngôi nhà cấp 3 có diện tích xây dựng: 78,8m^2 (Có sơ đồ kèm theo), cụ thể: Hướng đông: Giáp đất hộ ông Đặng Văn Hoanh, bà Lê Thị Kim Liên; hướng tây: Giáp đường đất; hướng nam: Giáp đất được công nhận cho bà Lê Thị Như A1 và ông Tạ Văn H; hướng bắc: Giáp đất được giao cho ông Lê Ngọc T và bà Trần Thị Thu T (ký hiệu E trên sơ đồ).

3.5. Giao cho ông Lê Ngọc T và bà Trần Thị Thu T được quyền sử dụng phần diện tích: 113,4m^2 đất trồng cây hàng năm khác (ký hiệu E có sơ đồ kèm theo), cụ thể: Hướng đông: Giáp đất hộ ông Đặng Văn Hoanh, bà Lê Thị Kim Liên; hướng tây: Giáp đường đất; hướng nam: Giáp đất tạm giao sử dụng cho ông Lê Ngọc T và bà Trần Thị Thu T; hướng bắc: Giáp đất được công nhận cho ông Lê Ngọc T và bà Trần Thị Thu T.

3.6. Đối với phần diện tích 271,5m^2 đường bê tông, chiều rộng 5m (có sơ đồ kèm theo) giữ nguyên làm lối đi chung.

3.7. Tạm giao cho Lê Ngọc T và bà Trần Thị Thu T tiếp tục sử dụng phần diện tích 105,6m^2 đất (ký hiệu F, có sơ đồ kèm theo).

4. Trách nhiệm thanh toán:

4.1. Buộc bà Nguyễn Thị C có nghĩa vụ phải thối trả chênh lệch giá trị di sản cho bà Lê Thị L số tiền: 341.877.800 đồng; Thối trả cho bà Bà Lê Thị T số tiền: 341.877.800 đồng; Thối trả cho bà Lê Thị X số tiền: 341.877.800 đồng; Thối trả cho bà Lê Thị B số tiền: 341.877.800 đồng; Thối trả cho ông Lê Văn C và Lê Văn N số tiền: 341.877.800 đồng (chia phần ông Côi được hưởng số tiền: 170.938.900 đồng, ông Nghĩa được hưởng số tiền: 170.938.900 đồng).

4.2. Buộc ông Lê Hồng A có nghĩa vụ thối trả chênh lệch giá trị di sản cho bà Lê Thị L số tiền: 411.246.603 đồng; Thối trả cho bà Bà Lê Thị T số tiền 411.246.603 đồng; Thối trả cho bà Lê Thị X số tiền: 411.246.603 đồng; Thối trả cho bà Lê Thị B số tiền: 411.246.603 đồng; Thối trả cho ông Lê Văn C và ông Lê Văn N số tiền: 411.246.603 đồng (chia phần ông C được hưởng số tiền: 205.623.301 đồng, ông Nghĩa được hưởng số tiền: 205.623.301 đồng).

4.3. Buộc ông Lê Ngọc T và bà Trần Thị Thu T có nghĩa vụ thối trả chênh lệch giá trị di sản cho bà Lê Thị L số tiền: 80.472.699 đồng; Thối trả cho bà Bà Lê Thị T số tiền: 80.472.699 đồng; Thối trả cho bà Lê Thị X số tiền 80.472.699 đồng; Thối trả cho bà Lê Thị B số tiền: 80.472.699 đồng; Thối trả cho ông Lê Văn C và Lê Văn N số tiền

80.472.699 đồng (Chia phần ông C được hưởng số tiền: 40.236.349 đồng, ông N được hưởng số tiền: 40.236.349 đồng).

4.4. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

4.5. Bà Nguyễn Thị C; Ông Lê Hồng A; Ông Lê Ngọc T và bà Trần Thị Thu T; Bà Lê Thị Như A1 và ông Tạ Văn H có quyền và nghĩa vụ liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để hoàn tất thủ tục sang tên đối phần diện tích được chia tại thửa đất số 51, tờ bản đồ số 19, địa chỉ thửa đất: Tổ 5 thôn Lệ Sơn Nam, xã Hòa Tiến, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng theo quy định pháp luật.

4.6. Trường hợp người đang nắm giữ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào sổ cấp GCN số 01748 do Ủy ban nhân dân huyện Hòa Vang, tỉnh Quảng Nam Đà Nẵng (nay là thành phố Đà Nẵng) cấp ngày 10/12/1994 đứng tên hộ Lê Tỵ không giao Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho người được giao quyền sử dụng đất, sở hữu nhà và tài sản trên đất đi làm thủ tục sang tên cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì người được giao quyền sử dụng đất, sở hữu nhà và tài sản trên đất được quyền tự liên hệ với cơ quan nhà nước để được sang tên cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

5. Về chi phí tố tụng: Chi phí định giá số tiền: 36.000.000 đồng theo hóa đơn giá trị gia tăng số 000098 ngày 19/04/2022. Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ số tiền: 2.000.000 đồng theo biên bản nhận tiền ngày 30/3/2021. Chi phí đo đạc bản đồ số tiền: 4.373.000 đồng theo biên bản thanh lý hợp đồng kinh tế. Tại phiên tòa nguyên đơn ông Lê Hồng A trình bày ông Lê Hồng A tự nguyện chịu các chi phí tố tụng trên. Do đó ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn ông Lê Hồng A (Đã thu và đã chi).

6. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Lê Hồng A, bà Nguyễn Thị C thuộc trường hợp được miễn nộp tiền tạm ứng án phí; Bà Lê Thị L phải chịu: 36.982.989 đồng; Bà Bà Lê Thị T phải chịu: 36.982.989 đồng; Bà Lê Thị X phải chịu: 36.982.989 đồng; Bà Lê Thị B phải chịu: 36.982.989 đồng; Ông Lê Văn C và ông Lê Văn N phải chịu: 36.982.989 đồng (Chia phần ông Côi phải chịu: 18.491.494 đồng, ông Nghĩa phải chịu: 18.491.494 đồng). Bà Lê Thị Như A1 và ông Tạ Văn H phải chịu án phí dân sự trên giá trị tài sản được nhận là: 38.329.919 đồng; ông Lê Ngọc T và bà Trần Thị Thu T phải chịu án phí dân sự trên giá trị tài sản được nhận là: 38.180.895 đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn thông báo quyền kháng cáo cho các đương sự biết theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 17/11/2023, bà Nguyễn Thị C có đơn kháng cáo the hướng Sửa bản án sơ thẩm với lý do: Tại Bản án sơ thẩm đã chia cho bà phần diện tích thừa kế 592,6m^2 đồng thời yêu cầu bà phải thối trả lại cho các đồng thừa kế khác số tiền này là vượt quá khả năng chi trả của bà nên đề nghị giao 02 ngôi nhà và đất hiện bà đang quản lý cho bà.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên toà, sau khi đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến, sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Xét kháng cáo của bà Nguyễn Thị C thì thấy: Tại Bản án sơ thẩm đã chia bà Nguyễn Thị C được quyền sử dụng phần diện tích: 592.6m^2 (ký hiệu A). Trong đó: 360m^2 đất ở và 232.6m^2 đất trồng cây hàng năm khác. Trên diện tích đất có 02 ngôi nhà cấp 03 lần lượt có diện tích: 48,9m^2 và 57,1m^2. Buộc bà Nguyễn Thị C có nghĩa vụ phải thối trả chênh lệch giá trị di sản cho bà Lê Thị L số tiền: 341.877.800 đồng; Thối trả cho bà Bà Lê Thị T số tiền: 341.877.800 đồng; Thối trả cho bà Lê Thị X số tiền: 341.877.800 đồng; Thối trả cho bà Lê Thị B số tiền: 341.877.800 đồng; Thối trả cho ông Lê Văn C và Lê Văn N số tiền: 341.877.800 đồng (chia phần ông C được hưởng số tiền: 170.938.900 đồng, ông N được hưởng số tiền: 170.938.900 đồng). Theo bà C số tiền thối trả này là vượt quá khả năng chi trả của bà nên đề nghị giao 02 ngôi nhà và đất hiện bà đang quản lý cho bà, bà không có nghĩa vụ thối trả. HĐXX xét thấy: Tại cấp sơ thẩm, các đồng thừa kế thống nhất phần diện tích 271,5m^2 đường bê tông, chiều rộng 5m giữ nguyên làm lối đi chung. Công nhận sự thỏa thuận của các đồng thừa kế cho vợ chồng bà Lê Thị Như A1 và ông Tạ Văn H diện tích: 206,1m^2 trong đó, 120m^2 đất ở và 86,1m^2 đất trồng cây hàng năm khác, trên đất có một ngôi nhà cấp 3 có diện tích xây dựng 81,5m^2. Công nhận sự thỏa thuận của các đồng thừa kế cho vợ chồng ông Lê Ngọc T và bà Trần Thị Thu T diện tích: 204,7m^2 trong đó, 120m^2 đất ở và 84,7m^2 đất trồng cây hàng năm khác, trên đất có một ngôi nhà cấp 3 có diện tích xây dựng 78,8m^2. Nội dung này đã được các đương sự thống nhất và bà Ccũng không có kháng cáo về vấn đề này. Sau khi trừ đi phần diện tích đất dành làm lối đi chung, phần diện tích đất đã cho vợ chồng bà Lê Thị Như A1 và vợ chồng ông Lê Ngọc T. Phần diện tích còn lại của cụ Tỵ, cụ kiệm chia cho 07 người bằng nhau là đúng pháp luật. Bà C hiện đang quản lý, thờ cúng, sử dụng 02 ngôi nhà cấp 3 sát vách nhau từ trước cho đến nay nên giao cho bà C được quyền sử dụng phần diện tích 592,6m^2 là phù hợp với thực tế và đúng với nguyện vọng của bà C xin được nhận bằng hiện vật. Tại phiên tòa phúc thẩm, nếu hoán đổi vị trí giao nhà và phần diện tích đất 592,6m^2 cho các đồng thừa kế khác để các đồng thừa kế còn lại có nghĩa vụ thối tiền cho bà C nếu bà C không có khả năng thối trả nhưng bà C cũng không đồng ý. Do bà C được nhận hiện vật có giá trị lớn hơn kỷ phần thừa kế được nhận nên cấp sơ thẩm buộc bà C phải có nghĩa vụ thối trả lại giá trị chênh lệch cho các đồng thừa kế khác là đúng pháp luật. Vì vậy, việc bà C không đồng ý thối trả là hoàn toàn không có căn cứ.

[2] Từ những phân tích trên, không có cơ sở để chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị C.

[3] Các nội dung khác không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật thi hành.

[4] Do không chấp nhận kháng cáo nên bà Nguyễn Thị C phải chịu án phí DSPT. Tuy nhiên, bà C thuộc trường hợp được miễn nộp tiền tạm ứng án phí nên xét miễn toàn bộ.

[5] Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án dân sự ở giai đoạn phúc thẩm và đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm theo hướng không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị C.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 650, 651, 660, 688 Bộ luật dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

1. Không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị C.

2. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 82/2023/DSST ngày 07 tháng 11 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng.

3. Các nội dung khác không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật thi hành.

4. Án phí DSPT: Bà Nguyễn Thị C thuộc trường hợp được xét miễn toàn bộ án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Tòa án nhân dân huyện Hòa Vang;
- Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng;
- Chi cục THA dân sự huyện Hòa Vang;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Bé